

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN PHÚC THỌ

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 9

Năm học: 2022 – 2023

Môn: Toán

Thời gian làm bài: 150 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1. (5,0 điểm)

a) Cho $x = \sqrt{3+\sqrt{5}} - \sqrt{3-\sqrt{5}} - \sqrt{2}(1-\sqrt{2})$. Tính giá trị của $A = \frac{2023x^2 - 4048x + 2026}{x^2 - 2x + 1}$

b) Cho a, b, c là các số nguyên thoả mãn: $a + b + c = c^3 - 2023c$. Chứng minh rằng $M = a^3 + b^3 + c^3 : 6$

c) Tìm các số nguyên x, y thoả mãn phương trình: $x^2 + xy - 2020x - 2021y - 2022 = 0$

Bài 2. (4,0 điểm)

a) Cho $4a^2 + b^2 = 5ab$ và $2a > b > 0$ thì giá trị của: $P = \frac{3ab}{4a^2 - b^2}$ là một số nguyên tố.

b) Giải phương trình: $x^2 + 2x = 4 + \frac{5}{x} + \frac{6}{x^2}$.

Bài 3. (3,0 điểm)

a) Cho x, y là hai số dương thoả mãn: $(x + y)^2 \geq 6 + 2xy$.

Tìm giá trị nhỏ nhất của biểu thức $Q = x^4 - 2x^2 + y^2 + \frac{6}{x^2} + \frac{8}{y^2}$

b) Cho $M = (x^2 + 2yz - 1)(y^2 + 2xz - 1)(1 - z^2 - 2xy)$.

Trong đó x, y, z là các số hữu tỉ thoả mãn $xy + yz + zx = 1$. Chứng minh rằng: \sqrt{M} là một số hữu tỉ.

Bài 4. (6 điểm). Cho ΔABC vuông tại A , đường cao AH , I là trung điểm AC , F là hình chiếu của I trên BC . Kẻ tia Cx vuông góc AC cắt IF tại E .

a) Cho $AB = 20\text{cm}$, $HC = 9\text{cm}$. Tính độ dài AH và AC .

b) Chứng minh rằng: $HA \cdot HI = HB \cdot HE$

c) Chứng minh AE vuông góc với BI .

Bài 5. (2 điểm) Cho $a, b, c > 0$ thoả mãn $a + b + c = 3$. Chứng minh rằng:

$$\frac{a+1}{b^2+1} + \frac{b+1}{c^2+1} + \frac{c+1}{a^2+1} \geq a+b+c$$

----- Hết -----

Ghi chú: Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ và tên thí sinh : Số báo danh :

Họ tên, chữ ký của giám thị 1:

Họ tên, chữ ký của giám thị 2:

$$a = bk + 1$$

$$a^2 = bk + 1$$

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 a	a) Cho $x = \sqrt{3+\sqrt{5}} - \sqrt{3-\sqrt{5}} - \sqrt{2}(1-\sqrt{2})$. Tính giá trị biểu thức	2.0
	Ta có	
	$x = \sqrt{3+\sqrt{5}} - \sqrt{3-\sqrt{5}} - (\sqrt{2}-2) = \frac{\sqrt{6+2\sqrt{5}}}{\sqrt{2}} - \frac{\sqrt{6-2\sqrt{5}}}{\sqrt{2}} - (\sqrt{2}-2)$	0.5
	$= \frac{\sqrt{(\sqrt{5}+1)^2}}{\sqrt{2}} - \frac{\sqrt{(\sqrt{5}-1)^2}}{\sqrt{2}} - (\sqrt{2}-2)$	0,5
	$= \frac{\sqrt{5}+1}{\sqrt{2}} - \frac{\sqrt{5}-1}{\sqrt{2}} - (\sqrt{2}-2) = \sqrt{2} - (\sqrt{2}-2) = 2$	0,5
	$A = \frac{2022x^2 - 4044x + 2022 + x^2 - 4x + 4}{x^2 - 2x + 1} = 2022 + \frac{(x-2)^2}{(x-1)^2}$	0.5
	Thay $x = 2$ vào A được $A = 2022$	0.5
Câu 1 b	b) Cho a, b, c là các số nguyên thoả mãn: $a + b + c = c^3 - 2023c$. Chứng minh rằng: $M = a^3 + b^3 + c^3 \div 6$	1,5
	Ta có: $a + b + c = c^3 - 2023c \Leftrightarrow a + b + c = (c^3 - c) - 2022c$ $\Leftrightarrow a + b + c = (c-1)c(c+1) - 2022c$	0.5
	(Vì $(c-1)c(c+1)$ là tích 3 số nguyên liên tiếp nên có thừa số chia hết cho 2, thừa số chia hết cho 3 mà $(2;3)=1$ nên tích đó chia hết cho 6; $2022c \div 6$) $\Rightarrow a + b + c = (c-1)c(c+1) - 2022c \div 6$ (1)	0.5
	Mặt khác: $(a^3 + b^3 + c^3) - (a + b + c)$ $= (a-1)a(a+1) + (b-1)b(b+1) + (c-1)c(c+1) \div 6$ (2)	0.25
	Từ (1) và (2) suy ra: $M = a^3 + b^3 + c^3 \div 6$	0.25

Câu 1 c	Giải phương trình nghiệm nguyên: $x^2 + xy - 2020x - 2021y - 2022 = 0$.	$1,5$
	Ta có $x^2 + xy - 2020x - 2021y - 2022 = 0$ $\Leftrightarrow x^2 + xy + x - 2021x - 2021y - 2021 = 1$	
	$\Rightarrow (x+y+1)(x-2021) = 1 = 1.1 = -1.(-1)$	$0,75$
	TH1: $\begin{cases} x+y+1=1 \\ x-2021=1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y=-2022 \\ x=2022 \end{cases}$	$0,5$
	TH2: $\begin{cases} x+y+1=-1 \\ x-2021=-1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} y=-2022 \\ x=2020 \end{cases}$	$0,5$
	Vậy $(x, y) \in \{(2022, -2022); (2020, -2022)\}$.	$0,25$
Câu 2 a	Cho $4a^2 + b^2 = 5ab$ với $2a > b > 0$. Tính giá trị của biểu thức: $P = \frac{3ab}{4a^2 - b^2}$	$2,0$
	Phân tích được $4a^2 + b^2 = 5ab$ thành $(a-b)(4a-b) = 0$ $\Leftrightarrow a=b$ hoặc $4a=b$ Lập luận chỉ ra $a=b$ (nhận); $4a=b$ (loại vì $2a > b > 0$) Khi $4a^2 + b^2 = 5ab$ với $2a > b > 0$ thì $a=b$. Tính được $P = \frac{3ab}{4a^2 - b^2} = \frac{3a^2}{3a^2} = 1$ không là SNT	$0,5$ $0,5$ $+ 0,5$
Câu 2 b	Giải phương trình: $x^2 + 2x = 4 + \frac{5}{x} + \frac{6}{x^2}$	$2,0$
	ĐK: $x \neq 0$	$0,25$
	phương trình $\Rightarrow x^4 + 2x^3 - 4x^2 - 5x - 6 = 0$ $\Leftrightarrow x^4 - 2x^3 + 4x^3 - 8x^2 + 4x^2 - 8x + 3x - 6 = 0$ $\Leftrightarrow x^3(x-2) + 4x^2(x-2) + 4x(x-2) + 3(x-2) = 0$ $\Leftrightarrow (x-2)(x^3 + 4x^2 + 4x + 3) = 0$ $\Leftrightarrow (x-2)(x^3 + 3x^2 + x^2 + 3x + x + 3) = 0$	$0,25$

$$\Leftrightarrow (x-2)[x^2(x+3)+x(x+3)+(x+3)]=0$$

$$\Leftrightarrow (x-2)(x+3)(x^2+x+1)=0$$

0,5

$$\Leftrightarrow \begin{cases} x-2=0 \\ x+3=0 \\ x^2+x+1=0(*) \end{cases}$$

0,5

Lập luận (*) vô nghiệm và KL: Vậy $S = \{2; -3\}$

0,5

Câu 3 a) Cho x, y là hai số dương thoả mãn: $(x+y)^2 \geq 6+2xy$. Tìm giá

1,5

a) trị nhỏ nhất của biểu thức $Q = x^4 - 2x^2 + y^2 + \frac{6}{x^2} + \frac{8}{y^2}$

$$Q = (x^2 - 2)^2 + \frac{x^2 + y^2}{2} + \left(\frac{3x^2}{2} + \frac{6}{x^2}\right) + \left(\frac{y^2}{2} + \frac{8}{y^2}\right) - 4$$

0,25

ta có: $A^2 + B^2 \geq 2AB$ dấu = xảy ra khi $A=B$

$$\left(\sqrt{\frac{3}{2}}x\right)^2 + \left(\frac{\sqrt{6}}{x}\right)^2 \geq 2\sqrt{\frac{3}{2}}x \cdot \frac{\sqrt{6}}{x} = 6;$$

$$\frac{y^2}{2} + \frac{8}{y^2} = \left(\frac{y}{\sqrt{2}}\right)^2 + \left(\frac{\sqrt{8}}{y}\right)^2 \geq 2 \cdot \frac{y}{\sqrt{2}} \cdot \frac{\sqrt{8}}{y} = 4$$

0,5

Mặt khác: $(x^2 - 2)^2 \geq 0 \forall x$;

$$(x+y)^2 \geq 6+2xy \Rightarrow x^2 + y^2 \geq 6 \Rightarrow \frac{(x^2 + y^2)}{2} \geq \frac{6}{2} = 3$$

0,25

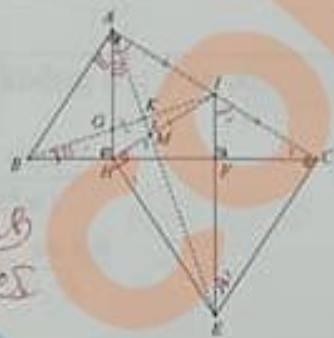
Do đó $Q \geq 0 + 3 + 6 + 4 - 4 = 9$

0,25

$$\text{Dấu "=" xảy ra} \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 - 2 = 0 \\ x^2 + y^2 = 6 \\ \left(\sqrt{\frac{3}{2}}x\right) = \left(\frac{\sqrt{6}}{x}\right) \Leftrightarrow \begin{cases} x^2 = 2 \\ y^2 = 4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x = \sqrt{2} \\ y = 2 \end{cases} \text{ (TM)} \\ \frac{y}{\sqrt{2}} = \frac{\sqrt{8}}{y} \end{cases}$$

0,25

Vậy $Q_{\min} = 9 \Leftrightarrow x = \sqrt{2}; y = 2$

<p>Câu 3</p> <p>b</p>	<p>Giải: Thay $xy+yz+zx=1$ vào M ta có</p> $M = (x^2 + 2yz - 1)(y^2 + 2xz - 1)(1 - z^2 - 2xy)$ $= (x^2 + yz - xy - xz)(y^2 + xz - xy - yz)(xz + z - z^2 - xy)$ $= (x-y)^2(x-z)^2(y-z)^2$ <p>$\Rightarrow \sqrt{M} = (x-y)(x-z)(y-z)$ Do x, y, z là các số hữu tỉ nên \sqrt{M} là một số hữu tỉ.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>Câu 4</p> <p>a</p>	<p>$\triangle HBA \sim \triangle HCE$</p> $\Rightarrow \frac{HA}{CE} = \frac{HB}{CI}$ $CI = HI$ $CE = HE$ <p>$\frac{HA}{HE} = \frac{HB}{HI}$</p>  <p>a, $\triangle ABC$ vuông tại A, đường cao AH, áp dụng hệ thức về cạnh và đường cao trong tam giác vuông ta có:</p> $AB^2 = BH \cdot BC \Rightarrow 20^2 = BH \cdot (BH + 9)$ $\Leftrightarrow 400 = BH^2 + 9BH$ $\Leftrightarrow (BH - 16)(BH + 25) = 0$ <p>$\Rightarrow BH = 16$ cm Từ đó tính được $AH = 12$ cm; $AC = 15$ cm</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>Câu 4</p> <p>b</p>	<p>, Chứng minh $\triangle IHE \sim \triangle BHA$</p> <p>Ta có: $\begin{cases} HI = IC = \frac{1}{2} AC \\ IF \perp HC \end{cases} \Rightarrow IF$ là trung trực HC</p> <p>$E \in IF \Rightarrow EC = EH \Rightarrow \triangle IHE = \triangle ICE$ (c.c.c)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{IHE} = \widehat{ICE} = 90^\circ$ (1)</p> <p>ta lại có: $\widehat{BAH} = \widehat{ACH}$ (Cùng phụ góc HAC)</p> <p>$\Rightarrow \widehat{BAH} = \widehat{IEH}$ (2)</p> <p>Từ (1) và (2) $\Rightarrow \triangle IHE \sim \triangle BHA$ (g.g)</p> <p>$\Rightarrow HA \cdot HI = HB \cdot HE$</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>Câu 4</p> <p>c</p>	<p>Gọi giao điểm AH, AE với BI theo thứ tự là G, K</p> <p>Từ câu b, $\triangle IHE \sim \triangle BHA \Rightarrow \frac{IH}{BH} = \frac{EH}{AH} \Rightarrow \frac{IH}{EH} = \frac{BH}{AH}$</p> <p>Mà</p> $\widehat{IHE} = \widehat{BHA} = 90^\circ \Rightarrow \widehat{IHE} + \widehat{AHI} = \widehat{BHA} + \widehat{AHI} \Rightarrow \widehat{AHE} = \widehat{BHI} \Rightarrow$	<p>0,5</p>

	$\Delta BHI - \Delta AHE (c.g.c)$ $\forall \Delta BHI - \Delta AHE \Rightarrow \widehat{IBH} = \widehat{EAH} \Rightarrow \widehat{GBH} = \widehat{GAK}$ Xét $\Delta AKG, \Delta BHG$ có $\begin{cases} \widehat{GBH} = \widehat{GAK} (cmt) \\ \widehat{AGK} = \widehat{BGH} (cmt) \end{cases} \Rightarrow \widehat{AKG} = \widehat{BHG} = 90^\circ \Rightarrow AK \perp GK \text{ tại K}$ $\Rightarrow AE \perp BI$	0,5 0,5 0,5
	Cho $a, b, c > 0$ thoả mãn $a + b + c = 3$. Chứng minh rằng: $\frac{a+1}{b^2+1} + \frac{b+1}{c^2+1} + \frac{c+1}{a^2+1} \geq a+b+c$	
	Áp dụng bất đẳng thức Cô-si cho hai số không $b^2; 1$ ta có: $b^2+1 \geq 2b$ $\frac{a+1}{b^2+1} = \frac{(a+1)(b^2+1-b^2)}{b^2+1} = \frac{(a+1)(b^2+1)}{b^2+1} - \frac{(a+1)b^2}{b^2+1}$ $= (a+1) - \frac{(a+1)b^2}{b^2+1} \geq (a+1) - \frac{(a+1)b^2}{2b} = (a+1) - \frac{ab+b}{2}$ $\Rightarrow \frac{a+1}{b^2+1} \geq (a+1) - \frac{ab+b}{2} \quad (1)$	0,5 0,25
Câu 5	Tương tự: $\frac{b+1}{c^2+1} \geq (b+1) - \frac{bc+c}{2} \quad (2)$ $\frac{c+1}{a^2+1} \geq (c+1) - \frac{ca+a}{2} \quad (3)$ Cộng theo vế các bất đẳng (1),(2),(3) ta được: $\frac{a+1}{b^2+1} + \frac{b+1}{c^2+1} + \frac{c+1}{a^2+1} \geq (a+b+c) + 3 - \frac{ab+bc+ca+a+b+c}{2}$ $= 6 - \frac{ab+bc+ca+3}{2}$	0,5 0,25
	Mặt khác: $(a-b)^2 + (b-c)^2 + (c-a)^2 \geq 0$ $\Leftrightarrow (a+b+c)^2 \geq 3(ab+bc+ca) \Leftrightarrow ab+bc+ca \leq 3$ Do đó $\frac{a+1}{b^2+1} + \frac{b+1}{c^2+1} + \frac{c+1}{a^2+1} \geq 6 - 3 = 3$	0,25